

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2026/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc dự thảo Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-KTNS của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng



nhân dân thành phố ban hành quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục xét duyệt để hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tăng cường công tác hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận chính sách. Sớm ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết đồng bộ, cụ thể; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, tổ chức Hội đồng khoa học, phê duyệt hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và quyết toán kinh phí nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định.

- Ban hành hướng dẫn chi tiết tiêu chí đánh giá công nghệ, tiêu chí xác định mức độ tiên tiến, hiệu quả kinh tế - xã hội và hiệu quả môi trường của dự án... để bảo đảm việc xét duyệt hỗ trợ có cơ sở rõ ràng, khách quan, tránh tình trạng áp dụng thiếu thống nhất trong thực tiễn.

- Chỉ đạo việc tổ chức Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học phải bảo đảm đúng thành phần chuyên môn, độc lập, khách quan, nâng cao trách nhiệm của các thành viên tham gia thẩm định, đánh giá hồ sơ; đặc biệt đối với các dự án có giá trị hỗ trợ lớn, công nghệ phức tạp hoặc công nghệ chiến lược, công nghệ cao.

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hằng năm, bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời ưu tiên các dự án đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và các dự án có khả năng lan tỏa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thành phố.

- Chỉ đạo rà soát chặt chẽ điều kiện hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã; bảo đảm các đối tượng được hỗ trợ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo vệ môi trường và không thuộc trường hợp đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước theo chính sách khác nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo chính sách hỗ trợ.



- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách; trong đó cần đánh giá cụ thể hiệu quả sử dụng ngân sách, hiệu quả đổi mới công nghệ, mức độ gia tăng năng suất lao động, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, nguồn thu ngân sách... để kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Kịp thời rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh nhằm đảm bảo chính sách triển khai phù hợp với quy định hiện hành.

- Định kỳ hàng năm, tổng hợp và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Tổng hợp báo cáo chung các lĩnh vực khoa học và công nghệ) để Hội đồng nhân dân thành phố giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, Kỳ họp thứ 2, thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố.
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND

ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ

Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố có triển khai một trong các hoạt động sau:

- Nghiên cứu tạo công nghệ tiên tiến;
- Nghiên cứu tạo công nghệ cao hoặc sản phẩm công nghệ cao;
- Nghiên cứu tạo công nghệ chiến lược hoặc sản phẩm công nghệ chiến lược;
- Giải mã công nghệ;
- Triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến.
- Cải tiến công nghệ thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Loại hình công nghệ và sản phẩm được hỗ trợ

1. Công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

4. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

5. Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

6. Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ phải đảm bảo các điều kiện như sau:

a) Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Chương II của Quy định này.

b) Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đổi mới công nghệ.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ ngoài đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo:

a) Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ.

b) Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ.

3. Điều kiện ưu tiên

a) Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển.

b) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

d) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam.

đ) Có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nếu có doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã khác



nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau thì ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đáp ứng được nhiều điều kiện hơn quy định tại khoản này. Trường hợp các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đáp ứng các điều kiện ưu tiên như nhau thì việc xem xét lựa chọn hỗ trợ được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.
2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của Nhà nước.
3. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
4. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ bị cấm hoặc hạn chế chuyển giao theo quy định của Chính phủ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người.
5. Đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã. Trừ trường hợp công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ được chứng minh là tiên tiến, hiện đại hơn so với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ đã được hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trước đó.
6. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ
 - a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ chiến lược. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ chiến lược kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.
 - b) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.
 - c) Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghiên cứu: Tạo công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.

Điều 7. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Tổ thẩm định

1. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Tổ thẩm định

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)
1	Hội đồng khoa học	
a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu
2	Tổ thẩm định	
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
3	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê

		duyet.
--	--	--------

2. Mức chi tại khoản 1 Điều này là mức chi tối đa. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ và khối lượng công việc cụ thể của từng Hội đồng, Tổ thẩm định; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức chi cụ thể đối với từng Hội đồng, Tổ thẩm định.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ

Điều 8. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo Điều 6 Quy định này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ, đồng thời nêu rõ lý do để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Trong 08 (tám) ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 (năm) ngày, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 (mười) ngày.

d) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong 10 (mười) ngày kể từ khi tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) hoặc kể từ khi có kết quả làm việc của Tổ thẩm định (trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ không đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan), Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.



Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ trợ

Trong 09 (chín) ngày kể từ khi tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) hoặc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng khoa học (trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ không đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ), Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ trợ kinh phí

Trong 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ về việc hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu đơn tại Phụ lục I).

b) Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính).

c) Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ (theo Mẫu dự án tại Phụ lục II).

d) Xác nhận nợ thuế, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản xác nhận dưới 30 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ.

đ) Bản sao các giấy tờ khác (nếu có): Biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; hồ sơ liên quan đến nhập khẩu máy móc, thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.

e) Đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này, cung cấp các hồ sơ sau:

Hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan;

Chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ. Trường hợp thiết bị công nghệ không thẩm định được giá bởi các đơn vị có chức năng; doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã phải cung cấp văn bản từ chối thẩm định giá của ít nhất 03 (ba) đơn vị có chức năng thẩm định giá. Giá trị của thiết bị công nghệ được Hội đồng khoa học xác định trên cơ sở xem xét Chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá (nếu có), hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo hóa đơn chứng từ và các hồ sơ khác có liên quan.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ).

g) Đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này, cung cấp các hồ sơ sau:

Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trả kết quả

Sở Khoa học và Công nghệ trả kết quả thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5. Thời hạn giải quyết: 42 (bốn mươi hai) ngày.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố



7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ của thành phố.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã sử dụng kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Cân đối bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ban hành quy định việc thành lập và quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo nội dung Nghị quyết.

2. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

C. Đ. A.